

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 12/2025
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 05/12/2025

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	40	-	12,900
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	37,050
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	30	10	24,000
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	45,600
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	10,590
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	43,110
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	100,500
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	50	-	66,300
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	34,800
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	56,400
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	28,050
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	234,900
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	40	10	57,850
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	19,180
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	20	30	(10)	15,000
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	81,150
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	50	50	-	48,300
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	72,000
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	30	30	-	9,480
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	30	-	27,000
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	30,000
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	82,050
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	57,000
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	37,800
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	20	10	20,700
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	50	50	-	35,830
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	30	30	-	128,850
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	73,650
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	112,360
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	50,830
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	40,500
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	17,100
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	51,080
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	142,320
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	-	67,350
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	-	87,450
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	50,330
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	146,380
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	41,040
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	24,880
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	25,000
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	-	62,060
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	25,370
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	-	57,450
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	23,330
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	65,400
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	40	10	102,900
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	28,730
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	-	11,480
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	54,150
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	135,150
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	105,690
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	40,000
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	92,850
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	50	50	-	80,000
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	50	-	22,280
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	66,740
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	40	50	(10)	15,680
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	41,700
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	96,900
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	15,750
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	40	10	27,320
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	46,800
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	-	41,850
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	48,450
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	30	30	-	71,930
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	21,150
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	100	30	30	-	17,550
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	34,280

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	20	20	-	4,970
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	25,650
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	20	20	-	13,890
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	61,800
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	30	-	11,040
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	30	10	18,300
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	69,150
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	52,350
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	78,900
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	52,280
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	40	40	-	18,830
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	27,750
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	15,230
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	-	6,750
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	51,750
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	51,540
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	34,800
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	41,170
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	18,230
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	80,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	120,000
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	21,680
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	40	10	45,390
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	100	30	30	-	29,700
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	144,900
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	104,100
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	20,970
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	50	50	-	53,930
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	80,550
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	35,850
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	20	20	-	27,230
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	96,000
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	18,230
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	-	18,190
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	-	41,250
112	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	33,150
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	35,000
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	20,400

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	36,450
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	64,010
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	20	10	7,560
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	84,150
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	50	30	20	33,930
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	50,930
122	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	130,650
123	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	22,430
124	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	40	10	30,000
125	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	40	40	-	13,840
126	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	31,710
127	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	7,110
128	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	135,000
129	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	50,550
130	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	27,000
131	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	100,500
132	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	13,800
133	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	70,050
134	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
135	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	43,200
136	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	37,950
137	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	30	20	10	13,110
138	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	82,500
139	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	15,680
140	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
141	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	32,400
142	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	86,550
143	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
144	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	246,750
145	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	50	40	10	48,060
146	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
147	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	51,450
148	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	76,950
149	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	40	30	10	35,630
150	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	-	39,440
151	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	68,100
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	51,380
153	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	30,750
154	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	42,750

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
155	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	50	50	-	58,310
156	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	-	27,750
157	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	79,050
158	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	50	(10)	44,850
159	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	-	29,400
160	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	25,880
161	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
162	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	102,000
163	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	114,450
164	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	100	50	50	-	8,000
165	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	50	-	40,000
166	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	24,750
167	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
168	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	86,300
169	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	40	40	-	36,380
170	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	51,530
171	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	70,650
172	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	20	20	28,050
173	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	67,580
174	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	40	40	-	43,500
175	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	-	87,600
176	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	148,950
177	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	27,830
178	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	40,000
179	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	50	50	-	19,050
180	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
181	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	40	50	(10)	195,030
182	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	28,650
183	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	89,850
184	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	42,830
185	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	-	40,000
186	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	48,300
187	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	40	-	25,000
188	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	0	100000
189	ADC	Công ty Cổ phần Mật thuật và Truyền thông	0	0			0
190	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
191	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
192	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
193	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
194	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
195	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
196	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
197	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
198	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
199	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
200	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
201	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
202	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
203	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
204	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
205	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
206	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
207	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
208	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
209	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
210	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
211	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
212	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
213	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokytina	0	0			0
214	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
215	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
216	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
217	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
218	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
219	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
220	CST	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	0	0			0
221	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
222	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
223	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
224	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
225	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
226	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
227	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
228	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
229	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
230	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
231	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
232	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
233	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
234	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
235	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
236	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
237	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
238	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
239	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
240	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
241	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
242	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
243	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
244	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
245	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
246	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
247	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
248	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
249	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
250	HDA	CTCP Hãng sơn Đông Á	0	0			0
251	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
252	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
253	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
254	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
255	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
256	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
257	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
258	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
259	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vinh Phúc	0	0			0
260	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
261	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
262	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
263	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
264	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
265	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
266	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
267	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
268	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
269	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
270	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
271	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
272	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
273	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	0	0			0
274	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
275	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
276	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
277	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
278	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
279	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
280	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
281	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
282	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
283	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
284	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
285	MIC	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	0	0			0
286	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
287	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
288	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
289	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
290	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
291	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
292	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
293	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
294	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
295	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
296	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
297	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
298	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
299	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
300	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
301	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
302	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
303	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
304	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
305	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
306	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
307	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
308	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
309	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
310	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
311	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
312	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
313	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
314	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
315	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
316	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
317	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
318	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
319	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
320	PSC	Công ty cổ phân Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
321	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
322	PSE	Công ty cổ phân Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
323	PSW	Công ty cổ phân Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
324	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
325	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
326	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
327	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
328	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
329	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
330	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
331	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
332	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
333	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
334	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
335	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
336	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
337	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
338	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
339	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
340	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
341	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
342	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
343	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
344	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
345	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
346	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
347	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
348	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
349	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
350	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
351	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
352	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
353	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
354	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
355	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0	0			0
356	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
357	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
358	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
359	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
360	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
361	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
362	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
363	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
364	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
365	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
366	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
367	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
368	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
369	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
370	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
371	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
372	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	0	0			0
373	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
374	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
375	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
376	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
377	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
378	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
379	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
380	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
381	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
382	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
383	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
384	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
385	VGP	CTCP Căng rau quả	0	0			0
386	VHE	Cô phiêu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
387	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
388	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
389	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
390	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
391	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
392	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
393	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
394	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
395	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
396	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
397	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
398	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
399	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
400	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
401	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
402	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			0
403	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
404	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
405	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
406	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
407	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
408	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
409	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
410	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
411	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
412	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
413	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
414	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
415	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
416	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
417	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
418	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
419	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
420	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
421	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
422	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
423	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
424	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	0	0			0
425	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
426	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
427	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
428	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
429	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
430	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	0			0
431	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
432	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
433	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
434	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	0	0			0
435	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
436	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
437	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
438	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
439	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
440	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
441	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0
442	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
443	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
444	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
445	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
446	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
447	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
448	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
449	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
450	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
451	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
452	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
453	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50	0			0
454	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
455	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
456	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
457	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
458	HID	Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam	0	0			0
459	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
460	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
461	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
462	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
463	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
464	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
465	HT1	Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	0	0			0
466	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
467	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
468	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
469	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
470	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
471	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
472	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
473	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
474	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
475	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
476	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
477	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	50	0			0
478	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
479	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
480	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
481	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
482	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
483	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
484	LGL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0	0			0
485	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
486	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
487	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
488	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
489	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
490	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
491	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
492	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	0	0			0
493	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
494	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
495	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	0	0			0
496	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
497	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
498	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
499	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
500	ORS	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	50	0			0
501	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
502	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
503	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
504	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
505	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
506	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
507	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
508	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	0	0			0
509	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
510	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	0	0			0
511	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
512	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
513	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
514	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
515	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
516	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
517	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
518	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
519	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
520	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
521	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
522	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
523	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
524	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
525	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
526	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
527	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
528	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
529	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
530	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
531	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
532	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
533	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	0	0			0
534	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
535	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
536	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
537	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	50	0			0
538	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
539	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
540	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
541	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	50	0			0
542	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
543	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	0	0			0
544	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
545	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỷ lệ định giá tháng 12/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2025	Thay đổi	
546	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
547	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
548	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
549	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
550	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
551	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
552	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
553	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	0	0			0
554	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	0	0			0
555	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
556	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
557	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
558	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
559	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
560	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
561	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
562	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
563	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
564	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
565	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
566	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
567	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
568	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
569	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
570	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
571	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0